

XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHUẨN CÁC TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO, NHIỆM VỤ CẤP BÁCH HÀNG ĐẦU ĐỂ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG HỆ THỐNG ĐÀO TẠO VÀ SỬ DỤNG HỢP LÝ LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG KĨ THUẬT

• **GS. TSKH. NGUYỄN MINH ĐƯỜNG**

Hệ thống chuẩn các trình độ đào tạo (HTCCTĐĐT) có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc tổ chức đào tạo, quản lý chất lượng hệ thống đào tạo cũng như sử dụng có hiệu quả đội ngũ lao động kĩ thuật của đất nước.

HTCCTĐĐT bao gồm 2 thành tố là hệ thống các trình độ đào tạo và chuẩn của từng trình độ. Hệ thống các trình độ đào tạo phải đáp ứng được yêu cầu về nhân lực các trình độ khác nhau của đất nước. Chuẩn của từng trình độ xác định chất lượng của từng trình độ đào tạo theo yêu cầu của sản xuất/dịch vụ trong từng giai đoạn phát triển kinh tế- xã hội dưới tác động của tiến bộ khoa học và công nghệ.

Một hệ thống chuẩn các trình độ đào tạo hợp lý sẽ mang lại nhiều lợi ích cho hệ thống đào tạo cũng như cho xã hội.

Đối với hệ thống đào tạo:

- HTCCTĐĐT là cơ sở không thể thiếu để có thể xác định mục tiêu đào tạo và thiết kế nội dung các chương trình đào tạo một cách hợp lý để từ đó, đào tạo được đội ngũ lao động kĩ thuật phù hợp với yêu cầu của xã hội.

HTCCTĐĐT cũng là cơ sở để xây dựng các chương trình liên thông giữa các trình độ đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có thể học suốt đời để không ngừng nâng cao trình độ nghề nghiệp mà không phải học lại từ đầu những điều đã học.

- Với phương pháp tiếp cận đánh giá chất lượng giáo dục theo sản phẩm đầu ra, HTCCTĐĐT là cơ sở không thể thiếu để đánh giá chất lượng đào tạo cũng như việc cấp văn bằng, chứng chỉ của các trình độ khác nhau... Do vậy, HTCCTĐĐT là cơ sở pháp lí quan trọng để kiểm tra, đánh giá, kiểm định và quản lý chất lượng đào tạo.

- Theo phương pháp tiếp cận thị trường, chuẩn các trình độ đào tạo phải xuất phát từ yêu cầu của thị trường lao động, phải được xây dựng theo yêu cầu về chất lượng đội ngũ lao động kĩ thuật các trình độ mà các ngành kinh tế- xã hội đòi hỏi. Nếu đào tạo đạt chuẩn như vậy, sẽ đáp ứng được yêu cầu của sản xuất/dịch vụ và do đó, đào tạo gắn được với sử dụng, nâng cao được

chất lượng và hiệu quả đào tạo.

- HTCCTĐĐT là tiền đề để chuẩn bị cho việc hội nhập quốc tế về kinh tế và về đào tạo. Khi HTCCTĐĐT được xác định, chúng ta có thể so sánh được trình độ đào tạo và trình độ đội ngũ nhân lực các trình độ của chúng ta với trình độ của các nước trong khu vực và với các nước phát triển để chuẩn bị cho quá trình cạnh tranh và hội nhập quốc tế tất yếu sẽ diễn ra trong một tương lai không xa.

Đối với người học:

- Được đào tạo đạt chuẩn phù hợp với yêu cầu của sản xuất/dịch vụ sẽ có nhiều cơ hội để tìm được việc làm và được sử dụng đúng với năng lực của mình để có thể phát huy được năng lực nghề nghiệp.

- Có thể tiếp tục học tập để không ngừng nâng cao năng lực theo từng cấp trình độ, vươn lên đỉnh cao nghề nghiệp hoặc chuyển đổi nghề khi cần thiết mà không phải học lại từ đầu.

Đối với các cơ quan, xí nghiệp và người sử dụng lao động:

- Căn cứ vào chuẩn các trình độ đào tạo, các cơ quan, xí nghiệp và người sử dụng lao động có thể tuyển dụng được những người lao động kĩ thuật có trình độ đúng với yêu cầu về chất lượng mà sản xuất/dịch vụ đòi hỏi.

- Các cơ quan, xí nghiệp có cơ sở để sử dụng hợp lý đội ngũ lao động, dùng người đúng việc, đúng năng lực; mặt khác có căn cứ để bồi dưỡng, nâng bậc hoặc đào tạo lại đội ngũ lao động một cách có chất lượng và hiệu quả.

Trên bình diện chiến lược sử dụng nguồn nhân lực vĩ mô của đất nước, HTCCTĐĐT cũng có một ý nghĩa không nhỏ. Với một hệ thống chuẩn trình độ đào tạo hợp lý, phù hợp với yêu cầu về chất lượng lao động các trình độ của sản xuất/dịch vụ, chúng ta có thể bố trí và sử dụng lực lượng lao động kĩ thuật một cách có hiệu quả để phát triển kinh tế- xã hội của đất nước trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Khác với tình trạng hiện nay, rất nhiều doanh nghiệp cần hàng ngàn lao động kĩ thuật các trình độ khác nhau nhưng lại không tuyển dụng được



những người đạt yêu cầu về chất lượng, trong khi đó, hàng ngàn học sinh/sinh viên tốt nghiệp các trình độ đào tạo lại không tìm được việc làm. Dĩ nhiên ở đây có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu là do mục tiêu đào tạo (chuẩn trình độ đào tạo) được xác định chưa phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

Tuy nhiên, để mang lại hiệu quả cho việc sử dụng lực lượng lao động đã qua đào tạo của đất nước, song song với việc xây dựng hệ thống chuẩn trình độ đào tạo, một điều không thể không đề cập đến là cần xây dựng lại hệ thống cấp bậc thợ nói riêng và hệ thống trình độ lao động nói chung trong hệ thống sử dụng lao động của nước ta. Do lịch sử để lại, hệ thống trình độ lao động ở nước ta hiện nay còn nhiều bất hợp lý. Hệ thống cấp bậc thợ của mỗi nghề mỗi khác, có nghề 3 bậc như lái xe, có nghề 6 bậc như chế biến thực phẩm, cũng có nghề 7 bậc như các nghề cơ khí. Rất khó lí giải được một cách có cơ sở khoa học về một hệ thống trình độ lao động như vậy. Cũng sẽ rất khó lòng để tìm được tiếng nói chung và sự tương đồng giữa 3 cấp trình độ đào tạo nghề đã được quy định trong Luật Giáo dục 2005 với hệ thống sử dụng lao động nhiều cấp trình độ khác nhau đến như vậy. Sự không tương đồng này tất yếu dẫn đến sự bố trí và sử dụng lao động kĩ thuật - vốn quý của đất nước - một cách không hợp lí và kém hiệu quả.

Tùy thuộc vào đặc điểm, truyền thống cũng như điều kiện phát triển kinh tế - xã hội mà hệ thống đào tạo ở mỗi nước một khác. Tuy nhiên, về chuẩn các trình độ đào tạo thì có nhiều điểm tương đồng.

Hệ thống các cấp trình độ đào tạo nghề NVQ (National Vocational Qualification) của Anh có 5 trình độ, trong đó 3 trình độ đầu tương ứng với đào tạo công nhân còn 2 trình độ sau tương ứng với đào tạo kĩ thuật viên.

Hệ thống các cấp trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục kĩ thuật - nghề nghiệp của các nước Cộng đồng châu Âu cũng tương tự như hệ thống của Anh, có 5 bậc với các trình độ được quy định khái quát như sau:

Bậc 1- Phải thực hiện được những công việc đơn giản của nghề.

Bậc 2- Phải thực hiện độc lập được những công việc trong phạm vi nghề.

Bậc 3- Phải thực hiện được những công việc phức tạp của nghề một cách độc lập và có thể đảm nhận trách nhiệm giám sát hay điều phối.

Bậc 4- Phải thực hiện được những công việc thiết kế và quản lí một cách độc lập nhưng không cần phải nắm vững những cơ sở khoa học của các lĩnh vực đó.

Bậc 5- Phải hiểu được những cơ sở khoa học của ngành nghề và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các vấn đề kĩ

thuật chuyên môn và quản lí.

Hệ thống cấp trình độ đào tạo ở Úc có 8 bậc, trong đó, 3 bậc đầu tương ứng với đào tạo công nhân, bậc 4 và 5 đào tạo kĩ thuật viên, bậc 6 trở lên tương ứng với các trình độ đại học.

Từ những năm 70 của thế kỉ trước, tổ chức UNESCO đã thành lập tổ chức Quốc tế về phân loại Chuẩn hệ thống giáo dục (ISCED) để nghiên cứu về hệ thống chuẩn các trình độ giáo dục. Qua nhiều lần điều chỉnh hệ thống này, đến năm 1997, UNESCO kiến nghị một hệ thống gồm 6 trình độ.

Cho đến nay, chúng ta chưa có một văn bản nào xác định hệ thống các trình độ đào tạo cũng như chuẩn của từng trình độ. Các chương trình đào tạo đang được thiết kế theo chủ quan của các nhà giáo dục; do vậy, các chương trình đào tạo chưa đáp ứng được tốt cho yêu cầu của sản xuất/dịch vụ và chúng ta cũng chưa có cơ sở để đánh giá chất lượng đào tạo và quản lí đào tạo theo chất lượng.

Cũng chính vì chưa có được hệ thống chuẩn các trình độ đào tạo để thiết kế các chương trình đào tạo kế thừa, tiếp nối từ chuẩn trình độ thấp lên chuẩn trình độ cao hơn, do vậy, cho đến nay chúng ta vẫn chưa thực hiện được Nghị định 43/2000/CP của Chính phủ về đào tạo liên thông giữa các trình độ.

Trong tiến trình đổi mới hệ thống giáo dục, chúng ta đang coi đổi mới về quản lí là khâu đột phá để đổi mới hệ thống giáo dục nói chung và hệ thống đào tạo nói riêng. Xây dựng hệ thống chuẩn các trình độ đào tạo liên thông từ dạy nghề đến sau đại học sẽ góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, đồng thời là bước khởi đầu quan trọng và không thể thiếu để đổi mới quản lí giáo dục ở nước ta từ quản lí theo phương pháp hành chính, mệnh lệnh với cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp sang quản lí chất lượng theo cơ chế thị trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Giáo dục 2005. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005.
2. The - National Council for Vocational Qualifications. National Vocational Qualifications NVQs. London, 1993.
3. UNESCO. International Standard Classification of Education. 1997.

SUMMARY

The author emphasizes the special importance of establishing a system of standards for various levels of education and training in organizing training, managing the quality of the training system and employing effectively technical labour force in the country.